

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Số: 532 /NQ-DMC

NGHỊ QUYẾT

Về việc: **Giao Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 cho Tổng công ty Dịch vụ khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dịch vụ khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC);

Căn cứ Nghị quyết số 8302/NQ-DKVN ngày 27/12/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty Dịch vụ khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc DMC tại công văn số 16/BTGD-TAT ngày 12/2/2018 về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2018 của DMC, các đơn vị thành viên, các Chi nhánh và các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ - DMC; Công văn số 38/BTGD-TAT ngày 9/4/2018 về việc rà soát Kế hoạch 2018 và căn cứ Phiếu tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị DMC ngày 11/4/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 cho Tổng công ty Dịch vụ khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP với nội dung như các *Phụ lục* đính kèm.

Điều 2. Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các Ban/Văn phòng/Chi nhánh và Người đại diện phần vốn của DMC tại các đơn vị thành viên tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt tại **Điều 1**, tuân thủ các quy định hiện hành và Điều lệ DMC.

Điều 3. Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ - DMC, Giám đốc các Chi nhánh và Người đại diện phần vốn của DMC tại các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

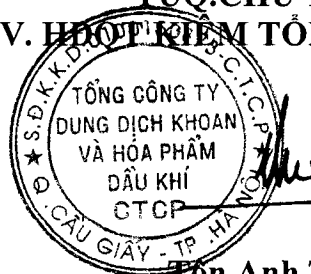
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UV. HĐQT DMC;
- T.BKS DMC;
- Ban TGD DMC;
- Lưu: KHĐT, TK.HĐQT, VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TUO.CHỦ TỊCH

UV. HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC



Tôn Anh Thi

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ – CTCP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 532 /NQ -DMC ngày 18 tháng 04 năm 2018
của Hội đồng Quản trị DMC)

I. Nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2018;
2. Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với chiến lược phát triển, đặc biệt chú trọng phát triển dòng sản phẩm, dịch vụ mới làm nền tảng cho sự phát triển bền vững lâu dài của DMC;
3. Tăng cường thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí tối thiểu từ 5-10%, nâng cao hiệu quả SXKD, thu hồi công nợ, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
4. Nghiên cứu triển khai dự án cung cấp khí công nghiệp cho Tổ hợp dự án hoá dầu Long Sơn;
5. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tập trung cho nghiên cứu và ứng dụng thành tựu nghiên cứu nhằm đảm bảo hiệu quả trong hoạt động SXKD của đơn vị;
6. Mở rộng thị trường, chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh các sản phẩm, gia tăng danh mục các sản phẩm kinh doanh mới;
7. Thực hiện tái cấu trúc theo quyết định phê duyệt của Tập đoàn; rà soát, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động SXKD của DMC. Nâng cao công tác quản trị; đẩy mạnh công tác tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi hoạt động;
8. Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực tiễn tại đơn vị,... đảm bảo hiệu quả trong công tác quản trị;
9. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của DMC;
10. Kiện toàn công tác quản trị về đầu tư, rà soát, xử lý dứt điểm các thủ tục các vướng mắc đối với các dự án đầu tư, có giải pháp nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư vào vận hành;
11. Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của DMC đã được Hội đồng quản trị DMC phê duyệt, Tổng giám đốc DMC chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo triển khai các nội dung được phê duyệt, tuân thủ các quy định hiện hành và Điều lệ DMC;
12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao.

II. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

1/ Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	31.250	
1	Barite	Tấn	5.300	
2	Bentonite	Tấn	11.800	
3	Xi măng G các loại	Tấn	10.650	
4	Các sản phẩm khác	Tấn	3.500	
II	Sản lượng tiêu thụ		198.450	
II.1	SL tiêu thụ SP do DMC SX		35.450	
1	Barite	Tấn	8.000	
2	Bentonite	Tấn	11.300	
3	CaCO ₃	Tấn	2.000	
4	Xi Măng các loại	Tấn	10.650	
5	Sản phẩm khác	Tấn	3.500	
II.2	SL tiêu thụ các SP kinh doanh		163.000	
1	Sản phẩm PP	Tấn	43.000	
-	+ PP Dung Quất	Tấn	18.000	
-	+ PP nhập khẩu	Tấn	25.000	
2	SP Lưu huỳnh	Tấn	120.000	

2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.074
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	87
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu đồng/người/tháng	434

3. Kế hoạch Công ty Mẹ

a/ Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	691,4
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>500</i>
	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>36,0</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.136
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,5
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	4,3
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	3,1
7	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	3,5%
9	Nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	7,4
	<i>- Cổ tức</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>6,3</i>
	<i>- Phí dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,1</i>
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	30,0

b/ Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
I	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	10,44
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	0,8
2	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	9,64
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	10,44
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10,44
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	10,44
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10,44
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH TỔNG DOANH THU, LỢI NHUẬN, NỢP NSNN NĂM 2018
CỦA TOÀN TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 532/NQ-DMC ngày 18 tháng 4 năm 2018
của Hội đồng Quản trị DMC)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
A	Tổng doanh thu, chi phí, lợi nhuận toàn Tổng công ty (Hợp nhất)			
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.074	
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16	
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12	
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	87	
I	Hoạt động KD trực tiếp của Công ty Mẹ			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.107	
2	Chi phí	Tỷ đồng	2.107	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	30	
II	Hoạt động của các công ty thành viên			
1	Công ty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Bắc (DMC MB)			<i>Tỷ lệ góp vốn của Công ty Mẹ theo Phương án Tái cấu trúc đã được Tập đoàn phê duyệt</i>
	- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	39,2	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	72	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	
	- Cổ tức chia cho Công ty Mẹ	Tỷ đồng	0	
2	Công ty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung (DMC MT)			<i>Tỷ lệ góp vốn của Công ty Mẹ theo Phương án Tái cấu trúc đã được Tập đoàn phê duyệt</i>
	- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	10	
	- Vốn CSH	Tỷ đồng	6	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	190	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	
- Cổ tức chia cho Công ty Mẹ	Tỷ đồng	-		
3	Công ty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (DMC MN)			<i>Tỷ lệ góp vốn của Công ty Mẹ theo Phương án Tái cấu trúc đã được Tập đoàn phê duyệt</i>
	- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	40	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	212	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	
	- Cổ tức chia cho Công ty Mẹ	Tỷ đồng	0	
4	Công ty TNHH 2 TV MI-VN			<i>Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ là 51%</i>
	- Vốn điều lệ	Tr.USD	5,9	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	- Doanh thu	Tỷ đồng	435	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,8	
	- Cổ tức chia cho Công ty Mẹ	Tỷ đồng	29,3	
5	Công ty DMC VTS (tại CHDCND Lào)	Tỷ đồng		<i>Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ là 30%</i>
	- Vốn điều lệ	Tr.USD	2	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	55,2	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	
	- Cổ tức chia cho Công ty Mẹ	Tỷ đồng	-	
B	Công ty mẹ DMC			
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.136	
1	<i>Doanh thu trực tiếp Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2.107</i>	
2	<i>Doanh thu từ các công ty thành viên</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>29</i>	
2.1	Các Cty CP có vốn góp và có quyền chi phối của DMC	Tỷ đồng	29,3	
2.2	Các Công ty liên doanh liên kết, Công ty Cổ phần có vốn góp của Công ty mẹ và Công ty mẹ không quyền chi phối	Tỷ đồng	-	
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.114	
1	Chi phí giá vốn	Tỷ đồng	2.000	
2	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	47,7	
3	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	40,1	
4	Chi phí tài chính, khác	Tỷ đồng	26,9	
III	Lãi (lỗ)		21,5	
IV	Phân phối lợi nhuận			
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,5	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	-	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,5	
4	Trích các quỹ	Tỷ đồng	4	
5	Tỷ lệ chia cổ tức của KQKD năm 2018	%	3,5%	
	<i>Số tiền chia cổ tức của KQKD năm 2018</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17,5</i>	
6	Nộp Tập đoàn từ kết quả KD năm 2018	Tỷ đồng	7,4	
	- <i>Phí dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,1</i>	
	- <i>Cổ tức từ KQKD năm 2018</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>6,3</i>	

Ghi chú:

- Tổng doanh thu toàn TCT (hợp nhất) = 100%doanh thu Công ty mẹ trực tiếp+ 100% doanh thu các công ty TNHH và Cty CPdo công ty mẹ có quyền chi phối + Cổ tức được chia từ các Cty liên doanh, liên kết...công ty mẹ không có quyền chi phối
- Doanh thu của Công ty mẹ = 100%doanh thu Công ty mẹ trực tiếp + Lợi tức/cổ tức được chia từ các Cty TV
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2017 thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên

Phụ lục 3
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018
CỦA TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 532/NQ-DMC ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Quản trị DMC)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công/hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được			Kế hoạch 2018			Ghi chú	
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			
						Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
	Tổng cộng (A+B)			Tỷ đồng								
	Ngoại tệ			Tr. USD								
	Nội tệ			Tỷ đồng				10,44	10,44	-		
A	Các Dự án							0,80	0,80	-		
I	Dự án chuyển tiếp							0,60	0,60			
I	<u>Dự án nhóm C</u>							0,60	0,60			
1.1	Dự án đầu tư xây dựng căn cứ dịch vụ tại Nghi Sơn	Nghi sơn	2018					0,30	0,30			
1.2	Dự án Căn cứ dịch vụ hóa chất H ₂ SO ₄ tại cảng Vũng Áng							0,30	0,30			
II	Dự án thực hiện trong năm							0,20	0,20	-		
I	<u>Dự án nhóm C</u>							0,20	0,20	-		
1.1	Dự án đầu tư khai thác mỏ đá hoa Lèn Kê Bút 3, Tân Kỳ, Nghệ An							0,20	0,20			
B	Mua sắm tài sản cố định							9,64	9,64			
1	Mua sắm thiết bị, công cụ dụng cụ, TSCĐ và sửa chữa phục vụ SXKD cho TCT và các chi nhánh trực thuộc							9,64	9,64	-		

Phụ lục 4
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018 THEO QUÝ
CỦA TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 532 /NQ-DMC ngày 18 tháng 04 năm 2018 của Hội đồng Quản trị DMC)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	(1 = 2+3+4+5)	2	3	4	5
A	Chỉ tiêu sản lượng						
I	Sản lượng sản xuất		31.250	5.190	7.813	8.078	10.170
1	Barite	Tấn	5.300		1.325	1.590	2.385
2	Bentonite	Tấn	11.800	2.360	2.950	2.950	3.540
3	Xi măng G các loại	Tấn	10.650	2.130	2.663	2.663	3.195
4	Các sản phẩm khác	Tấn	3.500	700	875	875	1.050
II	Sản lượng tiêu thụ		198.450	39.690	49.613	49.613	59.535
II.1	SL tiêu thụ SP do DMC SX		35.450	7.090	8.863	8.863	10.635
1	Barite	Tấn	8.000	1.600	2.000	2.000	2.400
2	Bentonite	Tấn	11.300	2.260	2.825	2.825	3.390
3	CaCO ₃	Tấn	2.000	400	500	500	600
4	Xi Măng các loại	Tấn	10.650	2.130	2.663	2.663	3.195
5	Sản phẩm khác	Tấn	3.500	700	875	875	1.050
II.2	SL tiêu thụ các SP kinh doanh		163.000	32.600	40.750	40.750	48.900
1	Sản phẩm PP	Tấn	43.000	8.600	10.750	10.750	12.900
-	+ PP Dung Quất	Tấn	18.000	3.600	4.500	4.500	5.400
-	+ PP nhập khẩu	Tấn	25.000	5.000	6.250	6.250	7.500
2	SP Lưu huỳnh	Tấn	120.000	24.000	30.000	30.000	36.000
B	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Vốn chủ sở hữu trong đó:	Tỷ đồng	691,4	-	-	-	-
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500		-	-	-
	- Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn	%	36,0				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	(1 = 2+3+4+5)	2	3	4	5
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.136	421,3	526,7	556,0	632,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,5	-1,5	-1,9	27,4	-2,5
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,5	-1,5	-1,9	27,4	-2,5
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	30	5,9	7,4	7,8	8,9
5	Nộp Tập đoàn từ kết quả kinh doanh 2018	Tỷ đồng	7,4				
	- Cổ tức	Tỷ đồng	6,3			6,3	
	- Phí quản lý và khác	Tỷ đồng	1,1	0,2	0,3	0,3	0,3
III	Các chỉ tiêu đầu tư						
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	10,4	-	0,8	8,4	1,2
	Trong đó - Đầu tư XDCCB	Tỷ đồng	0,8	-	0,8	-	-
	- Mua sắm TTB	Tỷ đồng	9,6	-	-	8,4	1,2
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	10,4	1,6	1,6	3,0	4,2
	Trong đó: - Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10,4	1,6	1,6	3,0	4,2
	- Vốn vay + vốn khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-
IV	Các chỉ tiêu khác						
1	Lao động và thu nhập						
	- Số lao động đầu kỳ	Người	262				
	- Số lao động cuối kỳ	Người	265	264	264	265	265
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	265	264	264	265	265
	- Thu nhập bình quân	Triệu đồng	10,0	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	(1 = 2+3+4+5)	2	3	4	5
	- Năng suất lao động bình quân (theo doanh thu)	Tỷ đồng/người/tháng	0,7				
2	Kế hoạch đào tạo	Lượt người	621	50	260	261	50
3	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	2,3	0,2	0,9	1,0	0,2
4	Nghiên cứu khoa học	ĐT/NV	-				
5	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	-				